

Số: 15 /TTr /HĐQT

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua một số nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp; Căn cứ Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và XNK Lạng Sơn được bổ sung, sửa đổi ngày 25/06/2023;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp HĐQT số : 14/BB-HĐQT ngày 24 /05/2025.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua những nội dung như sau:

I- Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, cụ thể như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán:

1.1. Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 là: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM.**

1.2. Trích một số nội dung chính của Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32,541,973,067	36,532,787,356
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	26,066,730,488	13,419,162,771
1	Tiền	111		9,566,730,488	13,419,162,771
2	Các khoản tương đương tiền	112		16,500,000,000	-

II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,900,000,000	-
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	1,900,000,000	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,256,492,542	20,036,816,217
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	630,399,000	967,750,994
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	33,000,000	70,602,000
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	869,253,000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1,593,093,542	18,129,210,223
IV	Hàng tồn kho	140		2,176,775,288	2,930,518,867
1	Hàng tồn kho	141	V.7.	2,176,775,288	2,930,518,867
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		141,974,749	146,289,501
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	28,749,291	-
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	113,225,458	146,289,501
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9,996,118,157	8,256,050,311
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		3,865,774,424	4,986,321,132
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	3,865,774,424	4,986,321,132
-	Nguyên giá	222		26,605,592,005	26,605,592,005
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22,739,817,581)	(21,619,270,873)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	-	-
-	Nguyên giá	228		97,500,000	97,500,000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97,500,000)	(97,500,000)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		25,000,000	635,490,455
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	25,000,000	635,490,455
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		6,105,343,733	2,634,238,724
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	6,105,343,733	2,634,238,724
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		42,538,091,224	44,788,837,667
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,236,498,337	1,906,577,788
I	Nợ ngắn hạn	310		1,236,498,337	1,906,577,788
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	60,846,943	412,719,440
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	18,000,000	63,252,000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	341,294,339	452,552,688
4	Phải trả người lao động	314		141,979,235	90,844,955
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	217,575,758	217,424,243
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	82,852,471	224,734,871
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		373,949,591	445,049,591

II	Nợ dài hạn	330		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41,301,592,887	42,882,259,879
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	41,301,592,887	42,882,259,879
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39,579,000,000	39,579,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39,579,000,000	39,579,000,000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		2,590,124,234	3,395,147,734
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(867,531,347)	(91,887,855)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(91,887,855)	(528,998,889)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(775,643,492)	437,111,034
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		42,538,091,224	44,788,837,667

b. Kết quả kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	18,139,864,241	17,727,311,787
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		18,139,864,241	17,727,311,787
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	16,415,850,107	14,780,095,741
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1,724,014,134	2,947,216,046
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1,019,812,195	1,503,670,790
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6.	48,790,387	884,615,271
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	3,038,302,643	3,007,297,615
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(343,266,701)	558,973,950
11.	Thu nhập khác	31	VI.4.	16,953,400	1,487,869
12.	Chi phí khác	32	VI.5.	1,254,353,949	1,388,421

13.	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(1,237,400,549)	99,448
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1,580,667,250)	559,073,398
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	121,962,364
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1,580,667,250)	437,111,034
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	(399.37)	110.44

2. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 lỗ: 1.580.667. 250 đồng. Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 là: 867.531.347 đồng. Không thực hiện chia cổ tức năm 2024.

II. Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025; Mức chi phụ cấp cho thành viên HĐQT, thành viên BKS năm 2025.

1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD kinh doanh năm 2025.

STT	Chỉ tiêu kế hoạch	Chỉ tiêu (đồng)	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	24.185.873.000	
2	Tổng chi phí:	24.351.950.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	-166.077.000	
4	Tổng số lao động	47	
5	Nộp Ngân sách:	2.000.000.000đ	

2. Mức chi phụ cấp cho thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2025.

- Phụ cấp của Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đ/ tháng.
- Phụ cấp của thành viên HĐQT: 2.500.000 đ/ tháng.
- Phụ cấp của trưởng ban kiểm soát: 1.800.000 đ/ tháng.
- Phụ cấp của thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đ/ tháng.

III. Phương án cải tạo, sửa chữa Nhà hàng Hoa Sim thuộc Khách sạn Hoa Sim

Nhà hàng Hoa Sim hai nhà khu A và khu B, khu nhà A là nhà 2 tầng được xây dựng từ đầu thế kỷ 20, được cải tạo từ trụ sở làm việc thành nhà hàng với kết cấu tường chịu lực, mái tôn đã qua nhiều năm sử dụng nay đã xuống cấp. Nhà B được xây dựng từ năm 2004 gồm 2 tầng hiện đang sử dụng bình thường. Khu nhà giữa là khoảng sân giữa nhà A và nhà B được cải tạo lợp tôn, trần thạch cao từ năm 2017 để

kết nối tầng 1 nhà A với nhà B và làm sân khấu chính của nhà hàng. Hiện đang phục vụ khách bình thường. Do nhà hàng được xây dựng chắp vá, chia ra nhiều khu nhỏ, khó khăn trong việc khai thác và tổ chức các sự kiện lớn như các hội nghị lớn và tiệc cưới. Nhà hàng thiếu các phòng ăn nhỏ, tiện nghi để phục vụ khách ăn lẻ có nhu cầu phòng riêng. Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Để nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất khai thác thị trường khách tổ chức sự kiện như hội họp, giao lưu văn hóa văn nghệ, tổ chức tiệc cưới và khai thác khách lẻ trên địa bàn, HĐQT xây dựng phương án cải tạo, sửa chữa nhà hàng Hoa Sim, lên dự toán, thiết kế, xin giấy phép xây dựng. Cụ thể như sau:

- Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa Nhà hàng Hoa Sim.
- Địa điểm xây dựng: Số 1A Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- Chủ đầu tư: Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Loại, nhóm dự án; loại công trình dân dụng, công trình cấp III; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính là 30-45 năm.
- Mục tiêu dự án: Xây dựng cơ sở vật chất đủ điều kiện để tổ chức sự kiện: Hội nghị, hội họp, tiệc cưới. Các phòng ăn riêng lẻ để phục vụ nhu cầu tổ chức sự kiện, đáp ứng được nhu cầu phục vụ thực khách trong và ngoài tỉnh.
- Quy mô đầu tư xây dựng: Công trình cải tạo sửa chữa nhà hàng Hoa Sim vẫn giữ nguyên trạng diện tích đất xây dựng. Giữ nguyên móng và kết cấu 2 tầng của nhà B. cải tạo nền móng, lắp dựng cột thép tiền chế và gia cố dầm sàn bằng thép tiền chế và sàn saleck thép. Phá dỡ tường ngăn bao che và tường chia phòng, sơn sửa lại mặt tiền cho hình thức kiến trúc tươi mới phù hợp với cảnh quan xung quanh.

Việc cải tạo giữ nguyên mặt độ xây dựng, tầng cao và diện tích xây dựng hiện trạng, vật liệu sử dụng chính là thép, sau khi cải tạo người khuyết tật cũng có thể sử dụng dịch vụ nhà hàng.

- Dự tính tổng mức đầu tư xây dựng, thiết bị, công cụ dụng cụ: 20.000.000.000 đồng.

- Nguồn vốn : Vốn tự có doanh nghiệp.
- Tiến độ thực hiện dự án :
 - + Quý II-III năm 2025 lập hồ sơ dự án, phê duyệt và xin phép xây dựng.
 - + Quý I-IV năm 2026 khởi công xây dựng
 - + Quý IV năm 2026 hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.
- Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn doanh nghiệp tự có và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Phương án cải tạo, sửa chữa Nhà hàng Hoa Sim, giao cho Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt phương án thiết kế, dự toán đầu tư, phương án khả thi và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

V. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

Để công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị được thuận lợi và kịp thời, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ủy quyền, giao cho Hội đồng quản trị công ty quyết định, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đủ năng lực điều kiện thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Thảo